|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT ………………. | **Chữ kí GT1:** ........................... |
| **TRƯỜNG THCS**…………... | **Chữ kí GT2:** ........................... |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

**CÔNG NGHỆ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP 9** – **CÁNH DIỀU**

**NĂM HỌC: 2024 - 2025**

**Thời gian làm bài: 45 phút *(****Không kể thời gian phát đề)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên:** …………………………………… **Lớp**:………………..  **Số báo danh:** …………………………….……**Phòng KT**:………….. | **Mã phách** |

✂

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bằng số** | **Điểm bằng chữ** | **Chữ ký của GK1** | **Chữ ký của GK2** | **Mã phách** |

**ĐỀ BÀI**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)**

**Câu 1 (0,25 điểm).** Theo em, nghề nghiệp là gì?

1. Là tập hợp những việc làm, nhiệm vụ mà mình thực hiện.
2. Là tập hợp những người có năng lực, tri thức.
3. Là tập hợp các công việc được xã hội công nhận.
4. Là tập hợp những nhu cầu xã hội, mong cầu đáp ứng việc làm.

**Câu 2 (0,25 điểm).** Hệ thống giáo dục quốc dân là gì?

1. Hệ thống giáo dục đa dạng
2. Hệ thống giáo dục tư nhân
3. Hệ thống giáo dục do chính phủ quản lý và kiểm soát
4. Hệ thống giáo dục tự do

**Câu 3 (0,25 điểm).** Ý nào sau đây nói về tính chất của nghề nghiệp?

1. Ổn định nhanh, thay đổi nhanh.
2. Thay đổi thất thường, gắn bó lâu dài.
3. Không ổn định, biến đổi đột ngột.
4. Ổn định, gắn bó lâu dài.

**Câu 4 (0,25 điểm).** Khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam bao gồm hệ thống giáo dục nào?

1. Giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.
2. Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.
3. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.
4. Giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

**Câu 5 (0,25 điểm).** Nghề nghiệp mang lại ý nghĩa gì cho xã hội?

1. Thu nhập ổn định, bền vững.
2. Môi trường thuận lợi để phát triển nhân cách.
3. Thỏa mãn đam mê, khát khao.
4. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

**Câu 6 (0,25 điểm).** Theo em, chọn đúng nghề nghiệp có ý nghĩa như thế nào đối với gia đình?

1. Có động lực học tập, nghiên cứu, sáng tạo.
2. Gánh vác một phần chi phí cho gia đình.
3. Có chỗ đứng vững chắc trong xã hội.
4. Phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

**Câu 7 (0,25 điểm).** Giáo dục phổ thông có bao nhiêu thời điểm phân luồng?

1. Một thời điểm
2. Hai thời điểm
3. Ba thời điểm
4. Bốn thời điểm

**Câu 8 (0,25 điểm).** Đâu là sản phẩm của nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

1. Thiết bị tự động hóa.
2. Sản phẩm thủ công.
3. Tri thức, kinh nghiệm.
4. Công nghệ cao lừa đảo chiếm đoạt tiền.

**Câu 9 (0,25 điểm).** Theo em, yêu cầu trình độ chuyên môn của ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ như thế nào?

1. Hiểu biết về các môn xã hội, giao tiếp, ngôn ngữ.
2. Có khả năng sử dụng các thiết bị công nghệ.
3. Hiểu biết về các nguyên lí cơ bản của ngành kĩ thuật, công nghệ.
4. Khả năng tự học, tự nghiên cứu.

**Câu 10 (0,25 điểm).** Theo em, sau khi tốt nghiệp trung học học cơ sở, học sinh có thể đi theo hướng nào?

1. Vào học các trường đại học, cao đẳng.
2. Vào học các nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp.
3. Đi làm lao động chân tay.
4. Không đi làm, bố mẹ nuôi.

**Câu 11 (0,25 điểm).** Việc chọn đúng nghề nghiệp **không** mang lại ý nghĩa nào sau đây cho xã hội?

1. Xây dựng kế hoạch gia đình trong tương lai.
2. Tránh được các tệ nạn xã hội.
3. Giảm thiểu tình trạng thất nghiệp.
4. Tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của đất nước.

**Câu 12 (0,25 điểm).** Hệ thống giáo dục nào gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông?

1. Giáo dục thường xuyên
2. Giáo dục cao đẳng
3. Giáo dục đại học
4. Giáo dục phổ thông

**Câu 13 (0,25 điểm).** Nhu cầu lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ hiện nay ra sao?

1. Ổn định
2. Ngày càng lớn
3. Ngày càng giảm
4. Không xác định

**Câu 14 (0,25 điểm).** Mục tiêu chính của hệ thống giáo dục quốc dân là gì?

1. Phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh
2. Nâng cao trình độ tri thức và văn hóa của cộng đồng
3. Cung cấp giáo dục miễn phí cho tất cả học sinh
4. Xóa đói, giảm nghèo cho người dân

**Câu 15 (0,25 điểm).** Hiện nay, người lao động được đào tạo có sự thay đổi về mặt nào?

1. Tăng về số lượng
2. Tăng về chất lượng
3. Tăng về số lượng và chất lượng
4. Không có sự thay đổi

**Câu 16 (0,25 điểm).** Đâu **không** phải môi trường làm việc của ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

1. Môi trường năng động, hiện đại.
2. Môi trường ổn định, không áp lực.
3. Môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao.
4. Môi trường phải đối mặt với áp lực công việc lớn.

**Câu 17 (0,25 điểm).** Đâu **không** phải là hướng mà học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông lựa chọn?

1. Học nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở các cơ sở giáo dục.
2. Học nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục trình độ đại học.
3. Học Tiến sĩ về ngành công nghệ cơ khí.
4. Học ngành công nghệ thông tin ở các trường đại học, cao đẳng.

**Câu 18 (0,25 điểm).** Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ **không** yêu cầu năng lực nào sau đây?

1. Trình độ chuyên môn tốt.
2. Có khả năng quản lí con người.
3. Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài.
4. Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

**Câu 19 (0,25 điểm).** Vì sao các nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ yêu cầu người lao động cần chịu được áp lực lớn?

1. Vì công việc có nhiều thiết bị nặng, môi trường làm việc bí bách.
2. Vì công việc phải tiếp xúc với nhiều người giỏi.
3. Vì ngành nghề nào cũng yêu cầu như thế.
4. Vì công việc phải tiếp xúc với nhiều nguy cơ tiềm ẩn tai nạn cao, môi trường biến đổi, thử thách.

**Câu 20 (0,25 điểm).** Bạn em muốn theo học nghề sửa chữa, lắp ráp máy tính sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Em hãy lựa chọn phương án được cho là khả thi đối với mong muốn của bạn đó.

1. Học ngành kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trong các trường trung học phổ thông.
2. Học ngành kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp.
3. Học ngành kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các trường cao đẳng có đào tạo ngành nghề này sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học phổ thông.
4. Học ngành kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

**Câu 21 (0,25 điểm).** Công nghệ nào đang đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước?

1. Công nghệ điện tử
2. Công nghệ điện toán đám mây
3. Công nghệ AI
4. Công nghệ vận hành máy

**Câu 22 (0,25 điểm).** Hệ thống giáo dục quốc dân có thể ảnh hưởng đến sự đa dạng văn hóa như thế nào?

1. Góp phần tăng cường sự đa dạng văn hóa.
2. Làm giảm sự đa dạng văn hóa.
3. Không ảnh hướng tới sự đa dạng văn hóa.
4. Bị phá nhiễu bởi các nền giáo dục khác, phai mờ bản sắc văn hóa dân tộc.

**Câu 23 (0,25 điểm).** Tuấn mới tốt nghiệp trung học cơ sở nhưng có đam mê ngành quản trị dữ liệu và mạng máy tính. Tuy nhiên, gia đình Tuấn không có đủ điều kiện cho Tuấn đi học tiếp. Nếu em là người thân của Tuấn, em sẽ khuyên Tuấn đi theo hướng nào?

1. Khuyên Tuấn nên đi làm những công việc tay chân để có thể kiếm thêm thu nhập đi học.
2. Khuyên Tuấn nên đi học trường trung cấp kĩ thuật công nghệ để theo đuổi đam mê.
3. Khuyên Tuấn nên bỏ học, đi làm kiếm tiền cho gia đình.
4. Khuyên Tuấn có thể làm gì mình thích, tùy vào năng lực.

**Câu 24 (0,25 điểm).** Hoa có đam mê với các thiết bị điện tử thông minh và thích tạo ra sản phẩm phần mềm, ứng dụng. Hoa đang phân vân không biết đăng kí ngành nghề gì để học. Nếu em là bạn của Hoa, em sẽ khuyên Hoa đăng kí ngành nghề nào?

1. Khoa học máy tính và lập trình
2. Khoa học xây dựng
3. Sửa chữa điện tử
4. Nghiên cứu kĩ thuật

**B. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

**Câu 1 (3,0 điểm).**

a. Theo em, phân luồng trong giáo dục là gì?

b. Em hãy cho biết các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

**Câu 2 (1,0 điểm).** Em hãy nói về một ngành nghề kĩ thuật mà em thích và những đánh giá khả năng thích ứng của bản thân.

**BÀI LÀM**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
|  |

✄

**BÀI LÀM:**

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**TRƯỜNG THCS** ......................................

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024** - **2025)**

**MÔN: CÔNG NGHỆ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP 9 - BỘ CÁNH DIỀU**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)**

*Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** |
| C | A | D | A | D | B | B | A |
| **Câu 9** | **Câu 10** | **Câu 11** | **Câu 12** | **Câu 13** | **Câu 14** | **Câu 15** | **Câu 16** |
| C | B | A | D | B | B | C | B |
| **Câu 17** | **Câu 18** | **Câu 19** | **Câu 20** | **Câu 21** | **Câu 22** | **Câu 23** | **Câu 24** |
| C | B | D | B | C | A | B | A |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1**  **(3,0 điểm**) | HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi:  **a.** Phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc theo học giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội, góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.  **b.** Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ của học sinh có thể thực hiện ở cả hai thời điểm phân luồng.  - Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể lựa chọn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo các nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trình độ sơ cấp và trung cấp. Học sinh cũng có thể lựa chọn vào học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình giáo dục trung học phổ thông, vừa học các nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trình độ sơ cấp.  - Đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, các em có thể lựa chọn học các nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, chương trình đào tạo nghề nghiệp khác đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất và dịch vụ, trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học. | **1,0 điểm**  **1,0 điểm**  **1,0 điểm** |
| **Câu 2**  **(1,0 điểm)** | HS liên hệ bản thân, vận dụng hiểu biết để trả lời câu hỏi:  *Gợi ý:*  Khi lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật công nghệ cần:  - Xem xét triển vọng các nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - Xem xét các yêu cầu của thị trường lao động như: vị trí việc làm, chuyên ngành đào tạo, kĩ năng nghề nghiệp, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học, khả năng thích ứng, tính cách, sở thích của bản thân để có những chuẩn bị cần thiết, phù hợp.  - Xem xét khả năng và kết quả học tập ở các môn Toán, Vật lí, Công nghệ, Tin học,..  - Xác định vị trí việc làm trong tương lai phù hợp với khả năng như: công nhân, kĩ thuật viên, kĩ sư, quản lí sản xuất. | **1,0 điểm** |

**TRƯỜNG THCS** ............................

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024** - **2025)**

**MÔN: CÔNG NGHỆ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP 9**

**BỘ CÁNH DIỀU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên bài học** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **VD cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ** | 5 | 0 | 6 | 0 | 3 | 0 | 0 | 1 | **14** | **1** | **4,5** |
| **Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân** | 3 | 1 | 4 | 0 | 3 | 0 | 0 | 0 | **10** | **1** | **5,5** |
| **Tổng số câu TN/TL** | **8** | **1** | **10** | **0** | **6** | **0** | **0** | **1** | **24** | **2** | **10,0** |
| **Điểm số** | **2,0** | **3,0** | **2,5** | **0** | **1,5** | **0** | **0** | **1,0** | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **5,0 điểm**  **50%** | | **2,5 điểm**  **25%** | | **1,5 điểm**  **15%** | | **1,0 điểm**  **10%** | | **10 điểm**  **100 %** | | **10 điểm** | |

**TRƯỜNG THCS** ............................

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024** - **2025)**

**MÔN: CÔNG NGHỆ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP 9**

**BỘ CÁNH DIỀU**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu TL/**  **Số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| **TN**  **(số câu)** | **TL**  **(số câu)** | **TN** | **TL** |
| **Bài 1** | | | **14** | **1** |  |  |
| **Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ** | Nhận biết | - Nhận biết được định nghĩa, tính chất của nghề nghiệp.  - Nhận biết được nghĩa của nghề nghiệp mang lại cho xã hội.  - Biết được ý nghĩa của việc chọn đúng nghề đối với gia đình.  - Xác định được sản phẩm của nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | 5 |  | C1, C3, C5, C6, C8 |  |
| Thông hiểu | - Xác định được yêu cầu trình độ chuyên môn của ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - Biết được việc chọn đúng nghề nghiệp **không** mang lại ý nghĩa nào cho xã hội.  - Nắm được nhu cầu lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ hiện nay.  - Biết được sự thay đổi của người lao động được đào tạo hiện nay.  - Biết được môi trường làm việc **không** phải của ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - Xác định được yêu cầu năng lực về ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | 6 |  | C9, C11, C13, C15, C16, C18 |  |
| Vận dụng | - Giải thích được lí do các nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ yêu cầu người lao động cần chịu được áp lực lớn.  - Xác định được công nghệ đang đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển của kinh tế, xã hội của đất nước.  - Đưa ra lời khuyên về ngành nghề phù hợp với sở thích, đam mê liên quan đến kĩ thuật, công nghệ. | 3 |  | C19, C21, C24 |  |
| Vận dụng cao | Vận dụng hiểu biết, liên hệ bản thân để đánh giá được khả năng thích ứng của bản thân với ngành nghề kĩ thuật em muốn. |  | 1 |  | C2 (TL) |
| **Bài 2** | | | **10** | **1** |  |  |
| **Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân** | Nhận biết | - Nhận biết được định nghĩa hệ thống giáo dục quốc dân.  - Nhận biết được khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam.  - Nhận biết được thời điểm phân luồng giáo dục phổ thông.  - Nêu được khái niệm phân luồng trong giáo dục và các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục. | 3 | 1 | C2, C4, C7 | C1 (TL) |
| Thông hiểu | - Biết được hướng đi của HS sau khi tốt nghiệp trung học học cơ sở.  - Xác định được đặc điểm của giáo dục phổ thông.  - Nắm được mục tiêu chính của hệ thống giáo dục quốc dân.  - Xác định được hướng HS không thể chọn sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. | 4 |  | C10, C12, C14, C17 |  |
| Vận dụng | - Lựa chọn được ngành nghề phù hợp với trình độ, năng lực bản thân.  - Nắm được sự ảnh hưởng của hệ thống giáo dục quốc dân đến sự đa dạng văn hóa.  - Đưa ra định hướng nghề nghiệp phù hợp cho từng trường hợp. | 3 |  | C20, C22,  C23 |  |
| Vận dụng cao |  |  |  |  |  |